TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/DS-ST Ngày: 14-8-2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông La Chí C - Sinh năm 1993 và bà Trần Thị Phương H - Sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông La Chí C và bà Trần Thị Phương H: Ông Phan Phụng Đức H1, sinh năm 1989, địa chỉ: Số B, khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 22-3-2023). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1978 và bà Ngô Thị T - Sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-3-2023, các văn bản tiếp theo của nguyên đơn ông La Chí C và bà Trần Thị Phương H và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp ông C và bà H là ông Phan Phụng Đức H1 trình bày và yêu cầu:

Ngày 10-4-2022, ông Lê Thành Đ vay của vợ chồng ông La Chí C, bà Trần Thị Phương H 248.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng, việc vay tiền có làm "giấy vay tiền và cam kết trả nợ" do ông Đ ký tên và điểm chỉ, thời hạn thanh toán là ngày 10-10-2022.

Đến hạn thanh toán, ông C, bà H nhiều lần liên hệ nhưng ông Đ cố tình lãng tránh, nay đã quá hạn mà ông Đ vẫn không thanh toán cho ông C, bà H.

Nay ông C, bà H yêu cầu: Buộc ông Đ phải trả cho ông C, bà H 248.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

– Tại Bản tự khai ngày 10-7-2023, bị đơn bà Ngô Thị T trình bày: Bà không có vay tiền của ông C, bà H, giấy vay tiền bà không ký tên. Ông Đ vay tiền để làm gì bà không biết. Bà không đồng ý cùng ông Đ trả nợ theo yêu cầu của ông C, bà H.

– Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ nhận xét: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Vụ án không hòa giải được do vắng mặt bị đơn ông Lê Thành Đ và bà Ngô Thị T;

- Bị đơn là ông Lê Thành Đ và bà Ngô Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông La Chí C và bà Trần Thị Phương H khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Lê Thành Đ và bà Ngô Thị T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là ông Lê Thành Đ và bà Ngô Thị T được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét việc ông C, bà H yêu cầu ông Đ trả cho ông C, bà H 248.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp "giấy vay tiền và cam kết trả nợ" viết tay mà ông C, bà H nộp cho Tòa án;

[5] Ông Đ được thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến; ông Đ, bà T không tham gia hòa giải, không đến dự phiên tòa nên không có căn cứ xem xét, ông Đ, bà T đã từ chối quyền lợi tố tụng của ông Đ, bà T, do đó, chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Xét tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày không yêu cầu bà Trung liên đ với ông Đ trả cho ông C, bà H 248.000.000 đồng là tự nguyện nên ghi nhận.

[7] Từ nhận định trên, ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông C, bà H 248.000.000 đồng.

[8] Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[9] Việc ông C, bà H không yêu cầu tính lãi của số tiền 248.000.000 đồng là tự nguyện nên ghi nhận.

[10] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông C, bà H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, trả lại cho ông C, bà H 6.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C, bà H 248.000.000 đồng, nên phải chịu 12.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông La Chí C và bà Trần Thị Phương H đối với ông Lê Thành Đ.

Buộc ông Lê Thành Đ phải trả cho ông La Chí C và bà Trần Thị Phương H 248.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng,

người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Thành Đ phải chịu 12.400.000 đồng (mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông La Chí C và bà Trần Thị Phương H 6.200.000 đồng (sáu triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004560 ngày 14-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14-8-2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương